TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH LIÊU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 28- 11- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Niên

Ông Mạ Dì Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Bà Lô Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Văn D** (tên gọi khác: Không); S1 ngày: 05 tháng 5 năm 1991 tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 3, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T, S1 năm: 1962 và bà Vũ Thị K, S1 năm: 1964; Có vợ là Nguyễn Thị H, S1 năm 1995, có 01 con S1 năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 09/7/2019, bị tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019 chuyển sang tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn S** (tên gọi khác: Không); S1 ngày: 05 tháng 8 năm 1992 tại huyện A, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện A, tỉnh H Yên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, S1 năm: 1965 và bà: Nguyễn Thị C, S1 năm: 1965; Có vợ là Phùn Thị T, S1 năm 1994, chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 28/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh H Yên xử phạt 06 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Hủy hoại tài sản"; Bị cáo bị bắt ngày 03/5/2019, bị tạm giữ từ ngày 03/5/2019 đến ngày 12/5/2019 chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Họ và tên: **Vũ Văn L** (tên gọi khác: Không); S1 ngày: 30 tháng 11 năm 1999 tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 3, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L1 (đã chết) và bà Vũ Thị C, S1 năm: 1970; Chưa có vợ con; Tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang ngày 03/5/2019, bị tạm giữ từ ngày 03/5/2019 đến ngày 12/5/2019 chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Họ và tên: **Vi Văn H** (tên gọi khác: Không); S1 ngày: 13 tháng 02 năm 1991 tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Dân tộc Tày; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn S, S1 năm: 1968 và bà: Vi Thị H, S1 năm: 1966; Có vợ là Phùng Thị V, S1 năm 1997, có 01 con S1 năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 23/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản"; Ngày 26/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo đầu thú ngày 09/7/2019, bị tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019 chuyển tạm giam, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

5. Họ và tên: **Đinh Văn T** (tên gọi khác: T Chợ); S1 ngày: 05 tháng 6 năm 1976 tại huyện K, tỉnh H D; Nơi cư trú: phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam; Con ông Đinh Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị H, S1 năm 1978, có 02 con, lớn S1 năm 2002, nhỏ S1 năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú ngày 09/7/2019, bị tạm giữ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 12/7/2019 chuyển tạm giam, đến ngày 26/9/2019 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- *Người bị hại*: Anh Hoàng Quốc M, S1 năm: 1987

Nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Hoàng Quốc M*: Ông Phạm Thành Dũng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt)

- *Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà La Thị D, S1 năm: 1962

Trú tại: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

+ Anh Vy Văn N, S1 năm 1995

Trú tại: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- *Những người làm chứng*:

+ Anh Chị Hoàng Thị M, S1 năm: 1990

Trú tại: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Anh Trần Đức T, S1 năm: 1971

Trú tại: khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

+ Anh Trần Đức V, S1 năm: 1982

Trú tại: khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2018, Đinh Văn T thuê nhà anh Trần Đức V ở khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh rồi mở văn phòng hỗ trợ tài chính mang tên X Q 4 để kinh doanh cho vay tiền. T thuê Trịnh Văn D quản lý văn phòng. Đến khoảng tháng 10/2018 T chuyển nhượng toàn bộ văn phòng này cho D, D thuê Vũ Văn L đi thu tiền nợ của khách hàng. Tháng 10/2018 anh Hoàng Quốc M, S1 năm: 1987, trú tại: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh vay của D số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn 02 tháng, lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. M đã trả cho D 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi, còn nợ lại gốc và lãi là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng). L đã đến nhà M đòi nợ nhiều lần nhưng M vẫn chưa có tiền để trả. Ngày 02/5/2019 L cùng Vi Văn H đến nhà M đòi nợ, do M vẫn chưa có tiền để trả nên L đề nghị M đến văn phòng gặp D, M đồng ý. L gọi điện thông báo cho D biết đã tìm thấy M, D bảo L đưa M về phòng trọ của D ở phía sau văn phòng.

Trong lúc chờ L và H đưa M về phòng trọ, D gọi điện cho Nguyễn Văn S (S làm việc cho Đinh Văn T tại quán hát thị trấn T, huyện T) nhờ S lên huyện B giúp D đòi tiền mà M còn nợ D. S đồng ý rồi rủ T, T rủ thêm Hoàng Văn H1 và S1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của H1 và S1) là bạn T đi

cùng, nhưng không nói rõ mục đích đi để đòi nợ, đi bằng xe ô tô biển kiểm soát 14C – 23106 do T điều khiển (xe do T đi thuê) đến văn phòng của D. Đến nơi, D nói cho S, T biết việc M nợ tiền đã lâu chưa trả và nhờ S và T giúp D đòi nợ. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/5/2019, L và H đưa M về phòng trọ thì S, H, S1 lên phòng trọ, đóng chốt cửa phòng rồi bắt M ngồi dưới nền nhà giữa phòng, xung quanh có S, L, H và đối tượng H1, S1 đều có lời nói yêu cầu M phải trả tiền nợ cho D. Trong đó S cùng đối tượng H và S1 có lời nói đe dọa, dùng tay chân, dây điện (loại dây gập đôi cuộn băng dính, dài 84cm, đường kính 02cm) đánh vào người anh M, ép anh M gọi điện thoại cho người nhà đem tiền đến trả. H đưa điện thoại cho M để M gọi về cho mẹ là bà La Thị D, M nói với bà D là M đang bị giữ, bị đánh ở văn phòng X Q 4 và bảo bà D vay tiền đến chuộc M về. Lúc này T vào phòng trọ để xem việc đòi nợ đối với M, T yêu cầu M đã vay tiền phải có trách nhiệm trả. Sau khi biết bà D đã vay được tiền, L, H, S, T, đối tượng H1 và S1 lại đưa M xuống văn phòng, D có mặt ở đó và cả bọn bắt M ngồi ở trong văn phòng đợi bà D xuống để lấy tiền thì mới cho M về, nhưng bà D không có xe để đi xuống chỗ M bị giữ nên khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng đối tượng H, S1 đưa M lên xe ô tô T chở M về nhà M để lấy tiền. Tại nhà M bà D cho biết chưa vay được tiền thì T cùng đồng bọn nói "nếu chưa có tiền trả thì đưa M đi tiếp", bà D và M sợ hãi rồi hẹn đến 14 giờ ngày 03/5/2019 sẽ vay đủ tiền để trả. T đồng ý để M ở trong nhà rồi cùng H, S1 đi về, đồng thời T thông báo cho D biết 14 giờ ngày 03/5/2019 M và bà D hẹn lên nhà M lấy tiền. Ngày 03/5/2019 D bảo L rủ S đến nhà M lấy tiền nên L mượn xe mô tô biển kiểm soát 14N1 – 04300 của anh Vy Văn N cùng S đến nhà M. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày trong lúc S đang nhận 8.000.000đ (tám triệu đồng) từ M thì bị Công an huyện Bình Liêu phát hiện bắt quả tang. Đối với D, T và H sau khi biết S, L bị bắt đã bỏ trốn, đến ngày 09/7/2019 cả ba đến Công an huyện Ba Chẽ đầu thú (Bút lục: 453- 456, 479 – 482, 487 – 490, 518 – 523, 554 – 557, 574 – 579).

Quá trình điều tra các bị cáo Trịnh Văn D, Nguyễn Văn S, Vũ Văn L, Vi Văn H, Đinh Văn T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại giấy chứng nhận thương tích của Trung tâm y tế huyện Bình Liêu ngày 10/5/2019 đối với Hoàng Quốc M đã thể hiện: tại vùng vai, 1/3 trên vùng lưng, mặt trước và mặt trong đùi hai bên có nhiều vết nề đỏ, bầm tím. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 370 ngày 16/7/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Quảng Ninh kết luận: Chấn thương phần mềm vùng vai, lưng và đùi hai bên hiện đã khỏi, các tổn thương do vật tày gây lên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên là 0% (bút lục: 151 – 153, 367).

Vật chứng thu giữ liên quan đến vụ án: khi bắt quả tang, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng); 01 giấy hợp đồng cho vay tiền, 01 tờ giấy biên nhận tiền, 01 chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 14N1 – 04300;

thu trên người S số tiền 792.000đ (Bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng); 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc Iphone 6s Plus, 01 chiếc Nokia), 01 quyển sổ màu đen; thu trên người L số tiền 4.526.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng), 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc Iphone 6s Plus, 01 chiếc nokia (Bút lục 331- 334).

Thu giữ tại phòng trọ của Trịnh Văn D 01 đoạn dây điện gập đôi cuộn băng dính màu đen, dài 84cm, đường kính 02cm; 01 con dao dài 32cm, lưỡi dao sắc dài 20cm cùng vỏ đựng dao; 01 dây kim loại màu đen dài 77cm, đường kính một đầu 03cm, 01 đầu 05cm cùng túi đựng gậy; 01 quyển sổ bìa màu xanh (bút lục 335- 336).

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ một số tài liệu, đồ vật tại văn phòng X Q 4 liên quan đến việc cho vay tiền của Trịnh Văn D. Thu giữ tại nơi ở và nơi làm việc của Đinh Văn T ở T và huyện Ba Chẽ gồm: 02 thanh kiếm, 01 số tài liệu sổ sách thể hiện T có hoạt động cho vay vào thời điểm năm 2014, 2015 (bút lục 240 – 242).

Đối với các vật chứng, đồ vật thu giữ nêu trên, Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự để bảo quản theo quy định. Đối với một số hợp đồng thu giữ tại nơi T thuê ở thị trấn Ba Chẽ, hiện chưa xác định được của ai nên Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an huyện Ba Chẽ để giải quyết theo thẩm quyền.

Về bồi thường dân sự, quá trình điều tra anh Hoàng Quốc M trình bày sẽ tự thỏa thuận về phần bồi thường với các bị cáo, không yêu cầu giải quyết. Đến giai đoạn xét xử anh M có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần và các khoản khác với số tiền tổng cộng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó ngày 18/11/2019 bị cáo Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho anh Hoàng Quốc M. Anh M có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT- VKSBL ngày 25/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Vi Văn H, Nguyễn Văn S, Đinh Văn T về tội: "Giữ người trái pháp luật" và tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Đối với Hoàng Văn H1 và đối tượng S1 có hành vi tham gia giữ anh Hoàng Quốc M trong phòng, đe dọa đánh đập ép anh M phải trả tiền, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Qúa trình điều tra xác định Trịnh Văn D có cho anh Hoàng Quốc M và một số người vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định, nhưng số tiền thu lời bất chính chưa đến mức xử lý hình sự, cũng như

việc hoạt động cho vay tiền của Đinh Văn T vào thời điểm 2014, 2015 xác định không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Vi Văn H, Nguyễn Văn S, Đinh Văn T phạm các tội: "Giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt:

Trịnh Văn D: từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội: "Giữ người trái pháp luật" và từ 21 (Hai mươi mốt) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 33 (Ba mươi ba) tháng tù đến 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 09/7/2019.

Nguyễn Văn S: từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/5/2019.

Vũ Văn L từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 21 (Hai mươi mốt) tháng tù đến 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/5/2019.

Vi Văn H: từ 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (Chín) tháng tù về tội: "Giữ người trái pháp luật", từ 15 (Mười lăm) tháng tù đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 21 (Hai mươi mốt) tháng tù đến 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 09/7/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 54; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Đinh Văn T từ 03 (Ba) tháng tù đến 04 (Bốn) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật", từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải

chấp hành từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, thời gian bị tạm giam là 02 tháng 20 ngày (từ ngày 09/7/2019 đến ngày 26/9/2019).

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn dây điện gập đôi cuộn băng dính màu đen, dài 84cm, đường kính 02cm;

- 01 (một) vỏ đựng dao và con dao dài 32cm, lưỡi dao sắc nhọn dài 20cm, sống dao hình răng cưa;

- 01 (một) túi đựng gậy và 01 (một) gậy kim loại màu đen dài 77cm, đường kính một đầu 03cm, một đầu 05cm;

- 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 85cm; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 74cm;

Trả lại cho bà La Thị D: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Trả lại cho anh Vy Văn N: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu S trắng, biển kiểm soát 14N1 – 04300, không có chìa khóa, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S: 792.000đ (Bẩy trăm chín mươi hai ngàn đồng) và 01 (một) quyển sổ tay màu đen;

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn L: 4.526.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn D:

- 4.133.000đ (bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng), nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- 43 (bốn mươi ba) tờ hợp đồng cho vay tiền;

- 41 (bốn mươi mốt) tờ giấy biên nhận tiền;

- 74 (bẩy mươi bốn) tờ theo dõi cho vay;

- 94 (Chín mươi bốn) tờ rơi (vạn tín 999 hỗ trợ tài chính cá nhân);

- 01 (một) tờ phiếu giao dịch tiền mặt;

- 01 (một) máy tính cầm tay hiệu Casio;

- 01 (một) bảng hiệu X Q 4 Hỗ trợ tài chính;

- 01 (một) két sắt;

- 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên bà La Thị V;

- 01 (một) hợp đồng cho vay tiền; 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ ký họ tên La Thị V.

Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T:

- 12 (mười hai) quyển sổ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 12);

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial: 354198104249804 (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, số IMEI: 353332074973371 (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial 1: 358989096457850, số serial 2: 358989097457895, (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, số IMEI: 355876068450984 (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Vi Văn H, Nguyễn Văn S, Đinh Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/5/2019 tại phòng trọ của Trịnh Văn D ở khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, các bị cáo đã có hành vi đóng chốt cửa phòng trọ, giữ anh M trong phòng và có lời nói đe dọa, dùng tay, dây điện đánh, ép M phải trả tiền do M đã nợ D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị hại là anh Hoàng Quốc M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại tổng cộng số tiền 10.000.000đ. Bị cáo Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, không yêu cầu các bị cáo khác phải hoàn trả số tiền mà bị cáo đã tự bỏ ra bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và tiếp tục đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Hoàng Quốc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có luận cứ thể hiện quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như: người bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo đã

tác động người thân, gửi lời xin lỗi đến người bị hại, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là bà La Thị D đề nghị được nhận lại số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) thu giữ trong vụ án. Anh Vy Văn N đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14N1- 04300.

Lời nói sau cùng: các bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cơ quan kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình tiến hành tố tụng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Chứng cứ, tài liệu do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp và đảm bảo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, các hành vi tố tụng được đảm bảo hợp pháp.

Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với một số người làm chứng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục: 331- 334); Biên bản khám nghiệm hiện trường (bút lục: 335 – 336); Sơ đồ hiện trường (bút lục: 337); Bản ảnh hiện trường (bút lục: 338 – 344); Bản ảnh thương tích (bút lục: 345- 348); Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng (Bút lục: 349-361); Giấy chứng nhận thương tích (bút lục: 367); Bản kết luận giám định pháp y thương tích (bút lục: 151 – 153); Lời khai người bị hại (bút lục: 365, 369 – 388); Lời khai những người làm chứng (bút lục: 389, 428 – 434); Lời khai của người có quyền L nghĩa vụ liên quan (bút lục: 405 – 407, 435- 441); Biên bản đối chất (bút lục: 524, 591- 592) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 02/5/2019 tại phòng trọ của Trịnh Văn D ở khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh các bị cáo đã

có hành vi đóng chốt cửa phòng trọ, giữ anh M trong phòng và có lời nói đe dọa, dùng tay, dây điện đánh, ép M phải trả tiền do M đã nợ của D. Do bị đe dọa, đánh giữ nên anh M sợ hãi hứa hẹn ngày hôm sau sẽ vay tiền để trả. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/5/2019, khi L, S đang nhận 8.000.000đ (tám triệu đồng) của anh Hoàng Quốc M tại nhà anh M thì bị Công an huyện Bình Liêu phát hiện bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào các tội: "Giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Bình Liêu đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, nguyên nhân hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể, đồng thời xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Nguyên nhân chính trong vụ án này trước hết xuất phát từ việc người bị hại vay nợ tiền, đến hẹn theo thỏa thuận nhưng chây ỳ không chịu trả dẫn đến các bị cáo bức xúc, không kìm chế được bản thân nên các bị cáo đã có hành vi giữ người bị hại trong phòng, có lời nói đe dọa, dùng tay, dây điện đánh, ép M phải trả tiền, vì vậy hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Về vai trò: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau. Trong vụ án này bị cáo Trịnh Văn D là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác cùng thực hiện phạm tội nên có vai trò chính trong vụ án. Vai trò tiếp theo là bị cáo Nguyễn Văn S, sau khi nhận lời đòi nợ hộ D, bị cáo S đã rủ Đinh Văn T cùng tham gia việc phạm tội, khi phạm tội cũng là người thực hiện tích cực, có lời lẽ đe dọa, trực tiếp dùng tay, chân, dây điện đánh vào người bị hại, đồng thời S cũng là người trực tiếp nhận số tiền từ người bị hại. Tiếp đến là các bị cáo Vũ Văn L và Vi Văn H, L và H là người giúp sức tích cực, cùng chở người bị hại là anh Hoàng Quốc M về phòng trọ và cùng với các bị cáo khác giữ M trong phòng, L và H có lời nói tác động yêu cầu M trả tiền, không can ngăn S, H đánh M để ép M trả tiền, H đưa điện thoại của H để M gọi điện về nhà mang tiền đến chuộc, L là người điện thoại cho S nhờ lên đòi nợ và lên nhà M lấy tiền, đồng thời cũng là người trực tiếp cùng S lấy tiền từ M. So với L thì H có vai trò thấp hơn nhưng H có nhân thân xấu hơn L. Bị cáo Đinh Văn T có vai trò sau cùng, T biết các bị cáo chở M về và giữ M trong phòng trọ, đe dọa, đánh đập, ép M trả tiền nhưng T vẫn nhận lời giúp D, trực tiếp có mặt tại phòng trọ yêu cầu M trả tiền, đồng thời chở các đối tượng khác về nhà M để lấy tiền, thông báo cho D biết về việc gia đình bị hại hẹn lên để lấy tiền.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Đinh Văn T có

nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Vi Văn H có nhân thân xấu. Năm 2013 bị cáo S đã từng bị Tòa án huyện A, tỉnh H Yên xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Hủy hoạt tài sản". Bị cáo H đã từng bị Tòa án huyện T, tỉnh Quảng Ninh 02 lần xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" vào năm 2013 và năm 2014.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, được người bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị hại cũng có một phần lỗi vì chây ỳ không chịu trả tiền nợ theo thỏa thuận nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo D, H, T sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, riêng bị cáo T trong quá trình giải quyết vụ án đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T tham gia phạm tội có phần hạn chế, vai trò thấp hơn các bị cáo khác, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử người bị hại là anh Hoàng Quốc M có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần với số tiền tổng cộng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bị cáo Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho anh Hoàng Quốc M. Anh M không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa bị cáo T không yêu cầu các bị cáo khác phải hoàn lại số tiền mà bị cáo đã tự bỏ tiền ra bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, bị cáo T có quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo khác phải hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã tự bỏ ra bồi thường cho người bị hại tương ứng với mức độ lỗi của mình bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu S trắng, biển kiểm soát 14N1 – 04300, không có chìa khóa, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong) là xe bị cáo L mượn của anh Vy Văn N, anh Ngọc không biết các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần

trả lại cho anh Vy Văn N.

Đối với số tiền: 8.000.000đ (Tám triệu đồng) thu giữ trong vụ án là tiền người bị hại đưa cho S và L, số tiền này là của bà La Thị D nên cần trả cho bà La Thị D.

Đối với số tiền: 792.000đ (Bẩy trăm chín mươi hai ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S, là tiền của bị cáo S không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo S, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền: 4.526.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Vũ Văn L, là tiền của bị cáo L không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền: 4.133.000đ (bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Trịnh Văn D, là tiền của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra khám xét thu giữ của Trịnh Văn D: 43 (bốn mươi ba) tờ hợp đồng cho vay tiền; 41 (bốn mươi mốt) tờ giấy biên nhận tiền; 74 (bẩy mươi bốn) tờ theo dõi cho vay; 94 (Chín mươi bốn) tờ rơi (vạn tín 999 hỗ trợ tài chính cá nhân); 01 (một) tờ phiếu giao dịch tiền mặt; 01 (một) tờ theo dõi cho vay; 01 (một) máy tính cầm tay hiệu Casio; 01 (một) bảng hiệu X Q 4 Hỗ trợ tài chính; 01 (một) két sắt; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên bà La Thị V; 01 (một) hợp đồng cho vay tiền; 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ ký họ tên La Thị V. Những tài liệu, đồ vật này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo Đinh Văn T: 12 (mười hai) quyển sổ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 12); thu giữ của bị cáo S: 01 (một) quyển sổ tay màu đen, những tài liệu, đồ vật này không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo T và bị cáo S.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S, trong đó có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, số IMEI: 353332074973371 (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong) là của bị cáo S và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial: 354198104249804 (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong) là của bị cáo Vi Văn H đưa cho bị cáo S. Các bị cáo đều sử dụng để liên hệ trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Vũ Văn L, trong đó có: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial 1: 358989096457850, số serial 2: 358989097457895, (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong) và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, số IMEI: 355876068450984 (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra

tình trạng bên trong) đều là của bị cáo L. Bị cáo L sử dụng để liên hệ trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 01 (một) đoạn dây điện gập đôi cuộn băng dính màu đen, dài 84cm, đường kính 02cm là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội và 01 số vật chứng khác thu giữ trong vụ án như: 01 (một) vỏ đựng dao và con dao dài 32cm, lưỡi dao sắc nhọn dài 20cm, sống dao hình răng cưa; 01 (một) túi đựng gậy và 01 (một) gậy kim loại màu đen dài 77cm, đường kính một đầu 03cm, một đầu 05cm; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 85cm; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 74cm, đều không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, phần lớn hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Tuyên bố: các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Vi Văn H, Nguyễn Văn S, Đinh Văn T phạm các tội: "Giữ người trái pháp luật", "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn D: 12 (Mười hai) tháng tù về tội: "Giữ người trái pháp luật"; 21 (Hai mươi mốt) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 09/7/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S: 09 (Chín) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật"; 18 (Mười tám) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp là 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/5/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình

sự,

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn L: 07 (Bẩy) tháng tù về tội"Giữ người trái pháp luật"; 13 (Mười ba) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/5/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn H 07 (Bẩy) tháng tù về tội: "Giữ người trái pháp luật"; 13 (Mười ba) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 09/7/2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T: 03 (Ba) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật"; 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là: 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ đi thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là: 80 (Tám mươi) ngày (từ ngày 09/7/2019 đến ngày 26/9/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đinh Văn T đã thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại tổn thất về tinh thần và các thiệt hại khác cho người bị hại là anh Hoàng Quốc M số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bị cáo Đinh Văn T có quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Nguyễn Văn S, Vi Văn H phải hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã bỏ ra bồi thường cho người bị hại tương ứng với tỷ lệ lỗi của mình bằng vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào: Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a,c khoản 2; điểm a,b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Trả lại cho bà La Thị D: 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Trả lại cho anh Vy Văn N: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu S trắng, biển kiểm soát 14N1 – 04300, không có chìa khóa, không có gương chiếu hậu (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S:

- 792.000đ (Bẩy trăm chín mươi hai ngàn đồng), nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- 01 (một) quyển sổ tay màu đen.

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn L: 4.526.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng), nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn D:

- 4.133.000đ (bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng), nH tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- 43 (bốn mươi ba) tờ hợp đồng cho vay tiền;

- 41 (bốn mươi mốt) tờ giấy biên nhận tiền;

- 74 (bẩy mươi bốn) tờ theo dõi cho vay;

- 94 (Chín mươi bốn) tờ rơi (vạn tín 999 hỗ trợ tài chính cá nhân);

- 01 (một) tờ phiếu giao dịch tiền mặt;

- 01 (một) tờ theo dõi cho vay;

- 01 (một) máy tính cầm tay hiệu Casio;

- 01 (một) bảng hiệu X Q 4 Hỗ trợ tài chính;

- 01 (một) két sắt;

- 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh;

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên bà La Thị V;

- 01 (một) hợp đồng cho vay tiền; 01 (một) giấy biên nhận tiền có chữ ký họ tên La Thị V.

Trả lại cho bị cáo Đinh Văn T: 12 (mười hai) quyển sổ (được đánh số thứ tự từ 01 đến 12).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial: 354198104249804 (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, số IMEI: 353332074973371 (Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số serial 1: 358989096457850, số serial 2: 358989097457895, (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6s Plus, số IMEI: 355876068450984

(Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn dây điện gập đôi cuộn băng dính màu đen, dài 84cm, đường kính 02cm;

- 01 (một) vỏ đựng dao và con dao dài 32cm, lưỡi dao sắc nhọn dài 20cm, sống dao hình răng cưa;

- 01 (một) túi đựng gậy và 01 (một) gậy kim loại màu đen dài 77cm, đường kính một đầu 03cm, một đầu 05cm;

- 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 85cm; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại dài 74cm.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh).

Về án phí: Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Trịnh Văn D, Vũ Văn L, Vi Văn H, Nguyễn Văn S, Đinh Văn T, mỗi bị cáo phải chịu: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho các bị cáo, người bị hại, những người có quyền L nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có qlnvlq;
- Người bảo vệ q,lihp của bị hại;
- Cơ quan điều tra CA huyện Bình Liêu;
- Cơ quan THAHS huyện Bình Liêu;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bình Liêu;
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP, TA Bình Liêu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng